

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2025
Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Năm

Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ cũ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ cũ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C; Địa chỉ: số A, phố L, phường H, Thành phố Hà Nội Địa chỉ cũ: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T2 – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung V – Giám đốc Phòng G1; Địa chỉ: ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ kiện như sau:

Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị T1 sau thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của hai gia đình nên xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 09/8/2013.

Thời gian đầu, vợ chồng của ông T và bà T1 chung sống có hạnh phúc nhưng sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Hiện nay ông Trần Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: ông Trần Minh T yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị T1.

Về con chung: ông T và bà T1 có một người con chung tên Trần Văn G, sinh ngày: 05/01/2009; con tự nguyện đồng ý ở chung với mẹ.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông T có đại diện hộ gia đình vay tiền của Ngân hàng C. Hiện nay, khoản vay còn nợ lại là 49.000.000 đồng, phải trả lãi hàng tháng, còn tiền gốc trả dần theo định kỳ. Ông T đã thực hiện nộp 1.000.000 đồng/tháng để trả lãi hàng tháng, phần còn lại gửi vào tài khoản tiết kiệm để trừ vào nợ gốc khi đến hạn.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Đối với khoản nợ vay Ngân hàng C số tiền là 49.000.000 đồng, ông T đồng ý tiếp tục trả nợ lãi hàng tháng và nộp tiết kiệm để trừ vào nợ gốc khi đến hạn.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị T1: bà T1 có đến Tòa án nhận văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của bà T1.

Tại phiên tòa, bà T1 vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của bà T1 tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C do người đại diện theo uỷ quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông Trần Minh T có đại diện hộ gia đình để vay vốn của Ngân hàng C - Phòng G1 02 khoản vay là Cải tạo công trình nước sạch và nhà vệ sinh số tiền 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.000.000 đồng; khoản vay chương trình Trồng lúa nước là 40.000.000 đồng. Qua kiểm tra việc thực hiện thanh toán nợ của hộ vay, xác định gần đây ông T có trả lãi hàng tháng và nộp tiết kiệm để trừ vào nợ gốc khi đến hạn trả nợ như ông T trình bày. Do khoản nợ gốc chưa hết hạn thanh toán, đồng thời ông T có trả lãi nên hiện nay Ngân hàng C không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trong trường hợp hộ vay do ông Trần Minh T đại diện không thực

hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận thì Ngân hàng Chính sách sẽ tiến hành khởi kiện trong vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ là ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; hiện nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2013, Quyền số 01/2013 ngày 09/8/2013 nên quan hệ hôn nhân của ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày sau khi kết hôn, giữa ông T và bà T1 có cuộc sống hạnh phúc được thời gian đầu. Thời gian gần đây thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên giữa vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay. Nay ông T vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị T1 đã mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, cuộc sống nhân không hạnh phúc. Hiện nay ông

T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với bà T1. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: ông T và bà T1 có một người con chung tên Trần Văn G, sinh ngày: 05/01/2009. Cháu G có văn bản trình bày ý kiến tự nguyện đồng ý sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian qua, con chung do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở giao con chung là cháu Trần Văn G cho bà T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Trần Minh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung: ông Trần Minh T xác định ông và bà Nguyễn Thị T1 tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về nợ chung: ông T và bà T1 có vay Ngân hàng C - Phòng G1 do ông T đại diện gia đình vay 02 khoản vay vay là Cải tạo công trình nước sạch và nhà vệ sinh số tiền 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 9.000.000 đồng; khoản vay Chương trình trồng lúa nước là 40.000.000 đồng.

Theo sổ vay vốn do Ngân hàng C - Phòng G1 cấp cho ông Trần Minh T thể hiện các khoản vay chưa hết thời hạn trả gốc. Ông T có cung cấp chứng từ ông thực hiện nộp 1.000.000 đồng/tháng cho Tổ trưởng (mã tổ A) số tiền 1.000.000 đồng, trong đó trả lãi hàng tháng, số tiền còn lại nộp vào tài khoản tiết kiệm để trả dần nợ gốc khi đến hạn.

Hiện nay, Ngân hàng C không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án.

Trong trường hợp hộ vay do ông Trần Minh T đại diện không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận thì Ngân hàng Chính sách sẽ tiến hành khởi kiện trong vụ án khác.

[3] Về án phí: ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T:

1.1. Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

1.2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên tên Trần Văn G, sinh ngày 05/01/2009. Sau khi ly hôn, ông Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông Trần Minh T, bà Nguyễn Thị T1, người thân thích của cháu Trần Văn G hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: ông Trần Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Minh T đã nộp theo biên lai thu số 0003967 ngày 21/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Tây Ninh
- UBND xã Hậu Thạnh, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.
- Lưu AV

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh